

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HC-ST

Ngày: 29 - 5 - 2023

V/v Hủy quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nam Long và ông Nguyễn Đức Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 08/2023/TLST - HC ngày 16 tháng 3 năm 2023 về “Khiếu kiện hủy quyết định hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2023/QĐXXST-HC ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (Bà H ủy quyền ông Đ tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2023); ông Đ có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: Thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trung Đ1 – Chủ tịch UBND huyện Q; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân T – Phó chủ tịch UBND huyện Q tham gia tố tụng; ông T có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn H1 – Chủ tịch UBND xã T đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ2 – Phó Chủ tịch UBND xã tham gia tố tụng; ông Đ2 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người khởi kiện ông [Nguyễn Văn Đ](#) và bà [Nguyễn Thị H](#) trình bày:

Bố mẹ ông, bà là cụ ông [Nguyễn Hữu L](#) và cụ bà [Nguyễn Thị M](#) có thửa đất khai hoang được [UBND huyện Q](#), tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) lần đầu ngày 06/6/1993, tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 3, diện tích 530,0 m². Bố mẹ ông sử dụng ổn định và không có tranh chấp với ai. Đến năm 2012 ông, bà được thừa kế thửa đất, ngày 30/5/2012 được [UBND huyện Q](#) cấp GCNQSDĐ có số phát hành BH638282, sổ vào sổ CH00238, tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 3, diện tích 530,0 m² tại [thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình](#) đứng tên [Nguyễn Văn Đ](#) và [Nguyễn Thị H](#).

Quá trình sử dụng đất ông, bà phát hiện thửa đất được cấp sai vị trí, nên đã có đơn đề nghị thu hồi GCNQSDĐ để cấp lại đúng vị trí đất cho gia đình ông, bà nhưng Chi nhánh [Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q](#) trả lời không có thẩm quyền thu hồi GCNQSDĐ. Vì vậy ông, bà yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân [huyện Q](#) cấp ngày 30/5/2012 cho ông [Nguyễn Văn Đ](#), bà [Nguyễn Thị H](#), tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 3, số phát hành BH 638282, sổ vào sổ CH00238, diện tích 530,0 m² (ONT: 200 m², BHK: 330 m²) tại [thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình](#). Buộc [Ủy ban nhân dân huyện Q](#), [Ủy ban nhân dân xã T](#) xác nhận lại đúng vị trí thửa đất gia đình ông, bà đang sử dụng để có cơ sở được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với vị trí thửa đất mà gia đình ông bà đang sử dụng.

- Người bị kiện [UBND huyện Q](#) trình bày tại Công văn số 334/UBND-TNMT ngày 31/3/2023, tại phiên tòa người đại diện trình bày:

Ngày 06/6/1993, ông [Nguyễn Hữu L](#) được [UBND huyện Q](#) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành B 295061 đối với thửa đất số 438, tờ bản đồ số 3 (bản đồ giải thửa 299) [xã T](#), diện tích 530 m² trong đó: đất ở 200 m², đất kinh tế gia đình 320 m². Ông [Nguyễn Hữu L](#) và bà [Nguyễn Thị M](#) đã chết.

Ngày 01/3/2012, người thừa kế duy nhất theo pháp luật của ông [L](#), bà [M](#) là ông [Nguyễn Văn Đ](#) đã lập văn bản nhận tài sản thừa kế là thửa đất số 438, tờ bản đồ số 3. Văn bản nhận tài sản thừa kế đã được [UBND xã T](#) chứng thực số 07, quyền số 01/2012 TP/CC-SCT/HĐGD. Đồng thời, ông [Nguyễn Văn Đ](#) có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị đăng ký biến động và đơn xin đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất.

Ngày 30/5/2012, [UBND huyện Q](#) đã ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BH 638282 cho ông [Nguyễn Văn Đ](#), bà [Nguyễn Thị H](#) tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 3, tại [xã T](#) với diện tích 530 m². Năm 2022, ông [Nguyễn](#)

[Văn Đ](#) thực hiện thủ tục đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng quy định của pháp luật. Ngày 06/5/2022, Chi nhánh [Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q](#) có Thông báo số 10/CNVPDK về việc giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận.

Trước đây thửa đất do ông [Nguyễn Hữu L](#) sử dụng, sau đó ông [Đ](#), bà [H](#) nhận thừa kế và đang sử dụng là thửa đất số 44, tờ bản đồ số 04 (bản đồ giải thửa 299), diện tích 590 m²; tương ứng theo bản đồ địa chính được duyệt năm 2009 của [xã T](#) là thửa đất số 420, tờ bản đồ số 13, diện tích 606 m². Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông [Nguyễn Hữu L](#) năm 1993 không đúng với vị trí sử dụng.

Tuy nhiên, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013: Nhà nước thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trong trường hợp giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai. Theo quy định tại khoản 5 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi bởi khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP): Nhà nước không thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP: Việc thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành. Do đó, [UBND huyện Q](#) không có thẩm quyền thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông [Đ](#), bà [H](#); đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tuyên hủy GCNQSDĐ đã cấp để thực hiện cấp lại cho người sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

- *Tại phiên đối thoại và tại tòa đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: [UBND xã T](#), [huyện Q](#) trình bày:*

Ngày 01/3/2012, ông [Nguyễn Văn Đ3](#) đã lập văn bản nhận tài sản thừa kế là thửa đất số 438, tờ bản đồ số 3 đã được [UBND xã T](#) chứng thực số 07, quyền số 01/2012 TP/CC-SCT/HĐGD. Ông [Nguyễn Văn Đ](#) là người thừa kế duy nhất theo pháp luật của ông [Nguyễn Hữu L](#) và bà [Nguyễn Thị M](#) đã chết. Đồng thời ông [Nguyễn Văn Đ](#) có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị đăng ký biến động và đơn xin đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất. Ngày 30/5/2012, UBND huyện đã ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BH 638282 cho

ông [Nguyễn Văn Đ](#) và bà [Nguyễn Thị H](#) tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 3, [xã T](#) với diện tích 530 m².

Năm 2022, ông [Nguyễn Văn Đ](#) thực hiện thủ tục đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông không đúng quy định của pháp luật. Trên thực tế thửa đất ông [Nguyễn Hữu L](#) sử dụng trước đây, sau đó ông [Nguyễn Văn Đ](#) và bà [Nguyễn Thị H](#) nhận thừa kế và đang sử dụng là thửa đất số 44, tờ bản đồ số 4 (bản đồ giải thửa 299), diện tích 590 m², tương ứng theo bản đồ địa chính được duyệt năm 2009 [xã T](#) là thửa số 420, tờ bản đồ số 13, diện tích 606 m². Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông [Nguyễn Hữu L](#) năm 1993 không đúng với vị trí sử dụng. Do lỗi trước đây ở địa phương có 2 người cùng tên và có 2 thửa đất khác nhau, mặt khác thời điểm đó không có sơ đồ thửa đất, nên [UBND xã T](#) đề nghị cấp GCNQSD đất cho hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) trùng với tờ bản đồ và vị trí thửa đất của người khác. Vì vậy đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông [Đ](#), bà [H](#).

Tại phiên tòa người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông [Nguyễn Văn Đ](#) và bà [Nguyễn Thị H](#); Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BH 638282, sổ vào sổ CH00238, do Ủy ban nhân dân [huyện Q](#) cấp ngày 30/5/2012 cho ông [Nguyễn Văn Đ](#), bà [Nguyễn Thị H](#), tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 3, diện tích 530,0 m² (ONT: 200 m², BHK: 330 m²) tại [thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình](#). Buộc [Ủy ban nhân dân huyện Q](#) xác định lại đúng vị trí thửa đất và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông [Đ](#), bà [H](#) theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Người khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất do [UBND huyện Q](#) cấp nên xác định người bị kiện là [UBND huyện Q](#) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là [Ủy ban nhân dân xã T](#).

[1.1] Về đối tượng khởi kiện: Ông [Đ](#) và bà [H](#) cho rằng [Ủy ban nhân dân huyện Q](#), tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông, bà sai

vị trí. Vì vậy ông Đ, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Q đã cấp cho ông, bà tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 3, diện tích 530,0 m² tại thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để xác định lại vị trí thửa đất và tờ bản đồ theo thực tế. Do đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 638282 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H ngày 30/5/2012, tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 3, diện tích 530,0 m² tại thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình là đối tượng khởi kiện.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H là Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: tháng 5 năm 2022, ông Đ, bà H mới biết thửa đất mà ông, bà đang trực tiếp sử dụng đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai vị trí nên đề nghị UBND huyện Q thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng quy định của pháp luật. Theo thông báo số 10/CNVPĐK ngày 06/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q. Ngày 09/02/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được đơn khởi kiện của ông Đ, bà H, như vậy thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguồn gốc thửa đất số 438, tờ bản đồ số 3, diện tích 530,0 m² tại thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H ngày 30/5/2012 là do bố mẹ của ông Đ là cụ ông Nguyễn Hữu L (chết năm 2001) và cụ bà Nguyễn Thị M (chết năm 1978) để lại. Sau khi cụ L chết thì ông Đ, bà H nhận thừa kế quyền sử dụng đất nói trên. Đến năm 2022 ông Đ, bà H làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất thì biết được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông, bà sai vị trí thửa đất, nên đã có đơn đề nghị thu hồi GCNQSDĐ đã cấp để cấp lại đúng vị trí đất cho gia đình ông, bà nhưng Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Q trả lời không có thẩm quyền thu hồi GCNQSDĐ tại Thông báo số 10/CNVPĐK ngày 06/5/2022.

Quá trình đối thoại tại Tòa án, tại biên bản đối thoại ngày 19/4/2023, đại diện người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T đều thừa nhận việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho cụ ông Nguyễn Hữu L năm 1993 không đúng với vị trí sử dụng so với bản đồ địa chính, dẫn tới cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho người thừa kế của cụ L là ông Đ sai vị trí sử dụng. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 5 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (được

sửa đổi bởi khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP): Nhà nước không thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP: Việc thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật.

Thực tế thửa đất cụ ông [Nguyễn Hữu L](#) (bố ông [Đ](#)) sử dụng trước đây, sau đó ông [Nguyễn Văn Đ](#) và bà [Nguyễn Thị H](#) nhận thừa kế và đang sử dụng là thửa đất số 44, tờ bản đồ số 4 (bản đồ giải thửa 299), diện tích 590 m², tương ứng theo bản đồ địa chính được duyệt năm 2009 [xã T](#) là thửa số 420, tờ bản đồ số 13, diện tích 606 m². Tại phiên tòa đại diện [UBND huyện Q](#) xác định thửa đất mà ông [Đ](#) bà [H](#) đang sử dụng không có tranh chấp với ai, đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông [Đ](#) bà [H](#) số phát hành BH638282, ngày 30/5/2012.

Từ phân tích nhận định trên, thấy rằng việc [UBND huyện Q](#), tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông [Nguyễn Văn Đ](#) và bà [Nguyễn Thị H](#) là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy ông [Nguyễn Văn Đ](#) và bà [Nguyễn Thị H](#) khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất số BH638282 do [Ủy ban nhân dân huyện Q](#) cấp cho ông [Nguyễn Văn Đ](#) và bà [Nguyễn Thị H](#) ngày 30/5/2012, tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 3, diện tích 530,0 m² tại [thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình](#) đồng thời buộc [UBND huyện Q](#) cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất cho ông [Đ](#) và bà [H](#) đúng với vị trí thửa đất và tờ bản đồ địa chính năm 2009 [xã T](#) mà ông bà đang sử dụng là có cơ sở, cần chấp nhận.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do [UBND huyện Q](#) đã cấp cho cụ ông [Nguyễn Hữu L](#) năm 1993 đã được thu hồi năm 2012 nên không xem xét.

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu của người khởi kiện (ông [Đ](#) bà [H](#)) được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên ông [Đ](#) và bà [H](#) không phải chịu; Người bị kiện [Ủy ban nhân dân huyện Q](#), tỉnh Quảng Bình phải chịu nộp 300.000 đồng. Trả lại cho ông [Đ](#) bà [H](#) số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 106 của Luật đất đai năm 2013, khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Văn Đ](#) và bà [Nguyễn Thị H](#): Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH638282 do [Ủy ban nhân dân huyện Q](#), tỉnh Quảng Bình cấp cho ông [Nguyễn Văn Đ](#) và bà [Nguyễn Thị H](#) ngày 30/5/2012, tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 3, diện tích 530,0 m² tại [thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình](#).

Buộc [Ủy ban nhân dân huyện Q](#), tỉnh Quảng Bình xác định lại đúng vị trí số thửa đất và tờ bản đồ địa chính mà gia đình ông [Nguyễn Văn Đ](#) và bà [Nguyễn Thị H](#) đang sử dụng phù hợp với bản đồ địa chính năm 2009 [xã T](#), đồng thời cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông [Đ](#), bà [H](#).

Ông [Nguyễn Văn Đ](#) và bà [Nguyễn Thị H](#) có trách nhiệm liên hệ các cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: [Ủy ban nhân dân huyện Q](#), tỉnh Quảng Bình phải chịu nộp 300.000 đồng.

Trả lại cho ông [Nguyễn Văn Đ](#) và bà [Nguyễn Thị H](#) số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 31AA/2021/0005245 ngày 16/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, Tòa HC, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn